

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2019/DS-ST
Ngày: 06/9/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Bà Phạm Thị Hậu
 2. Ông Lê Văn Thanh
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Cao Đăng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A
Trụ sở: 89 L, phường H, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lưu Hùng T, sinh năm 1993 và ông Phạm Thế Q. Cùng địa chỉ: Tầng 2, 96 C, Phường X, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 23571/2019/UQ-PGĐK ngày 15/8/2019 của Ngân hàng TMCP A). “vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt”.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1987
Địa chỉ: 241/33/61B V, Phường E, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngân hàng TMCP A đã cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Thanh B, theo đó, những hợp đồng mà bà B đã ký với Ngân hàng TMCP A như sau: Hợp đồng tín dụng số LD1629200121 (HĐTD) ký với Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Sài Gòn giải ngân ngày 18/10/2016, với khoản vay 253.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay sửa chữa nhà, căn cứ trên giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 09/10/2016; Hợp đồng thế tín dụng số 325-P-4958177 (HĐTTD) mở ngày

19/10/2016, hạn mức 75.000.000 đồng căn cứ giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/10/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng tính từ thời điểm giải ngân đến nay, bà Nguyễn Thị Thanh B thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng được 06 lần từ ngày 18/11/2016 đến ngày 18/4/2017, cụ thể bà B đã đóng được 56.044.429 đồng trong đó có 32.820.170 đồng tiền gốc mà bà B đã vay và 23.224.259 đồng là số tiền lãi đã trả. Kể từ thời điểm 18/04/2018 đến nay, bà Nguyễn Thị Thanh B không nộp thêm bất cứ khoản tiền nào vào tài khoản trả nợ. Kể từ ngày 18/5/2017, khoản vay của bà Nguyễn Thị Thanh B đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh với mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (Căn cứ khoản 4 Điều 2 Bộ điều khoản và Điều kiện về vay không có tài sản bảo đảm phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân đính kèm vào giấy đăng ký vay không tài sản bảo đảm phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân ngày 09/10/2016).

- Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-4958177 (HDTTD) mở ngày 19/10/2016, hạn mức 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu đồng) căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/10/2016. Từ ngày giải ngân đến nay, bà Nguyễn Thị Thanh B đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 30.500.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo khoản 3 Điều 3 Bộ điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/10/2016, cụ thể áp dụng theo thứ tự sau: Phí thường niên, lãi, phí rút tiền mặt các khoản phí khác, giao dịch ứng tiền mặt, các giao dịch thanh toán hàng hóa/dịch vụ. Do bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 27/4/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ thời điểm này là 74.964.716 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất công bố và áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do ngân hàng quy định tại từng thời điểm (Điều 4 Bộ điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/10/2016). Tính đến ngày 06/9/2019, tổng dư nợ đối với các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên bà Nguyễn Thị Thanh B còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng cộng số tiền là 526.619.279 đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Thanh B có trách nhiệm thanh toán ngay, một lần toàn bộ số tiền nợ vay còn thiếu bao gồm nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/9/2019 cho Ngân hàng TMCP A là 526.619.279 đồng (Năm trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm mười chín ngàn hai trăm bảy mươi chín đồng), trong đó:

- Nợ gốc của HĐTD số LD1629200121 là 220.179.830 đồng (Hai trăm hai mươi triệu một trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm ba mươi đồng).

- Nợ lãi của HĐTD số LD1629200121 là 147.695.291 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi một đồng).

- Nợ gốc của HĐTD số 325-P-4958177 là 74.964.716 đồng (Bảy mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn bảy trăm mười sáu đồng).

- Nợ lãi của HĐTD số số 325-P-4958177 là 83.779.442 đồng (Tám mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm bốn mươi hai đồng). Ngoài ra,

Kể từ ngày 07/9/2019 trở đi, bà Nguyễn Thị Thanh B còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay.

Ngân hàng khẳng định chỉ khởi kiện duy nhất bà Nguyễn Thị Thanh B và chỉ yêu cầu bà B thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng, không yêu người khác có trách nhiệm liên đới cùng bà B thanh toán khoản nợ còn thiếu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, không có lời khai hoặc yêu cầu của bà B trong hồ sơ vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bà B vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc và tham gia hòa giải. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung của vụ án, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các đương sự và diễn biến tại phiên tòa có căn cứ xác định giữa Ngân hàng TMCP A và bà Nguyễn Thị Thanh B có xác lập quan hệ hợp đồng tín dụng, theo đó, bà Nguyễn Thị Thanh B có vay và còn thiếu Ngân hàng TMCP A tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/9/2019 là 526.619.279 đồng (Năm trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng).

Do bà Nguyễn Thị Thanh B vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, không có lời khai hoặc yêu cầu của bà B trong hồ sơ vụ án. Cụ thể Tòa án đã tổng đạt các văn bản sau: thông báo thụ lý số 146/TB-TLVA ngày 14/3/2019, các giấy triệu tập, các Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các giấy triệu tập tham dự phiên tòa, các Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án

ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét đề nghị của Ngân hàng TMCP A về việc không triệu tập ai khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì không liên quan đến việc vay mượn giữa bà B và Ngân hàng TMCP A. Ngân hàng TMCP A chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị Thanh B là người trực tiếp ký hợp đồng vay phải có trách nhiệm trả nợ là tự nguyện và không trái pháp luật. Quá trình giải quyết bà B không có ý kiến về vấn đề này nên chấp nhận đề nghị của Ngân hàng TMCP A.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP A vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh B trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ vay còn thiếu bao gồm tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/9/2019 là 526.619.279 đồng (năm trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng), bao gồm:

- Nợ gốc của HĐTD số LD1629200121 là 220.179.830 đồng (Hai trăm hai mươi triệu một trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm ba mươi đồng).

- Nợ lãi của HĐTD số LD1629200121 là 147.695.291 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi một đồng).

- Nợ gốc của HĐTD số 325-P-4958177 là 74.964.716 đồng (Bảy mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn bảy trăm mười sáu đồng).

- Nợ lãi của HĐTD số 325-P-4958177 là 83.779.442 đồng (Tám mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm bốn mươi hai đồng).

Theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP A số LD1629200121 ngày 18 tháng 10 năm 2016 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-4958177 ngày 19 tháng 10 năm 2016 đã ký với Ngân hàng TMCP A.

Ngoài ra, bà B còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

[4] Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thanh B vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, căn cứ Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn Số MB01.QT-GDCN/06 ngày 09/10/2016 (Hợp đồng tín dụng số LD1629200121 ngày 18 tháng 10 năm 2016) và Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-4958177 ngày 19 tháng 10 năm 2016) cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Thanh B có ký kết hợp đồng tín dụng để vay và còn nợ tiền vay với phía nguyên đơn tạm tính đến ngày 06/6/2019, cụ thể:

- Đối với hợp đồng tín dụng số LD1629200121 ký với Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Sài Gòn giải ngân ngày 18/10/2016:

Bà B đã ký kết hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng với số tiền là 253.000.000.000 đồng (hai trăm năm mươi ba triệu đồng) với thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay để sửa chữa nhà với lãi suất được điều chỉnh định kì 03 tháng/lần, lãi suất được công bố và áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do ngân

hàng quy định tại từng thời. Theo hợp đồng, kì hạn trả nợ gốc và kì hạn trả nợ lãi tối thiểu là 01 tháng/lần.

Tính đến thời điểm giải ngân đến nay, bà Nguyễn Thị Thanh B thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình được 06 lần từ ngày 18/11/2016 đến ngày 18/04/2017. Cụ thể bà Nguyễn Thị Thanh B đã đóng 56.044.429 (năm mươi sáu triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng), trong đó có 32.820.170 (ba mươi hai triệu tám trăm hai mươi nghìn một trăm bảy mươi đồng) tiền gốc và 23.224.259 (hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi chín đồng) là số tiền lãi đã trả. Kể từ thời điểm 18/04/2018 đến nay, bà Nguyễn Thị Thanh B không nộp thêm bất cứ khoản tiền nào vào tài khoản trả nợ. Kể từ ngày 18/05/2017 khoản vay của bà B tại Ngân hàng TMCP A chuyển sang nợ quá hạn, bà B phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (Căn cứ Khoản 4 Điều 2 Bộ điều khoản và điều kiện vay không có tài sản bảo đảm phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân đính kèm vào giấy đăng kí vay không tài sản bảo đảm phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân ngày 09/10/2016).

- Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-4958177 (HDTTD) mở ngày 19/10/2016, hạn mức 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu đồng) căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/10/2016:

Từ ngày giải ngân đến nay, bà Nguyễn Thị Thanh B đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 30.500.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Khoản 3 Điều 3 Bộ điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/10/2016, cụ thể áp dụng theo thứ tự sau: Phí thường niên, lãi, phí rút tiền mặt các khoản phí khác, giao dịch ứng tiền mặt, các giao dịch thanh toán hàng hóa/dịch vụ. Do bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 27/4/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (Điều 4 Bộ điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/10/2016). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ thời điểm này là 74.964.716 đồng (bảy mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm mười sáu đồng) làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được được công bố và áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do ngân hàng quy định tại từng thời điểm. Trong đó, nợ gốc Hợp đồng thẻ tín dụng của bà B phải trả là 74.964.716 đồng (Bảy mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm mười sáu đồng) và lãi suất phải trả là 83.779.442 đồng (Tám mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng) - theo bảng chi tiết vay quá hạn đối với khoản vay thẻ đính kèm.

Phía Ngân hàng TMCP A đã nhiều lần gọi điện, gửi thông báo trả nợ và cử các bộ xuống gặp bà B tại địa chỉ 244/33/61B V, Phường E, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh nhưng bà Nguyễn Thị Thanh B vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình.

Như vậy, tạm tính đến hết ngày 06/09/2019 tổng dư nợ đối với các hợp đồng tín dụng nêu trên của bà Nguyễn Thị Thanh B tại Ngân hàng TMCP A là:

526.619.279 (Năm trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng).

[5] Do đó, căn cứ các Điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A buộc bà Nguyễn Thị Thanh B có trách nhiệm thanh toán ngay, một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu là 526.619.279 (năm trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 07/9/2019 trở đi, bà Nguyễn Thị Thanh B còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thanh B phải nộp án phí DSST trên số tiền có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng là $20.000.000 + 4\% \times 126.619.279 = 25.064.771$ (Hai mươi lăm triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi một đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh B có trách nhiệm thanh toán ngay, một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu cho Ngân hàng TMCP A với tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/9/2019 là 526.619.279 (Năm trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng), trong đó tiền nợ gốc là 220.179.830 đồng (đối với HĐTD số LD1629200121) và 74.964.716 đồng (đối với HĐTTD số 325-P-4958177) và tiền lãi chưa thanh toán là 147.695.291 đồng (đối với HĐTD số LD1629200121) và 83.779.442 đồng (đối với HĐTTD số 325-P-4958177) - theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn Số MB01.QT-GDCN/06 ngày 09/10/2016 (Hợp đồng tín dụng số LD1629200121 ngày 18 tháng 10 năm 2016) và Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-4958177 ngày 19 tháng 10 năm 2016).

Kể từ ngày 07/9/2019 trở đi, bà Nguyễn Thị Thanh B còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí: Án phí DSST số tiền là 25.064.771 (Hai mươi lăm triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi một đồng). Bà Nguyễn Thị Thanh B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 25.064.771 (Hai mươi lăm triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi một đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.294.000 (Mười một triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0024029 ngày 8/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.4;
- Chi cục THADS Q4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Thảo